TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm
Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 2002 (xin vắng mặt).
Cư trú tại: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1999 (vắng mặt).
Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị Đ và anh N kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2020. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Có 01 người con tên Lê Hiếu Ng, sinh ngày 28/4/2020 (nam), hiện sống chung với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Lê Văn N:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Đồng thời, Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh N vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Văn N Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với anh N, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn N.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đ và anh N kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 24 tháng 8 năm 2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh N được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, chị Đ xin ly hôn với anh N là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Về phía anh N đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh N vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, từ đó cho thấy anh N cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị Đ với anh N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ với anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu

duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Chị Đ Đ ly hôn với anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ xác định có 01 người con tên Lê Hiếu Ng, sinh ngày 28/4/2020 (nam), hiện sống chung với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, từ khi chị Đ và anh N sống ly thân thì cháu Ng sống chung với chị Đ, anh N không có ý kiến gì về nuôi con chung và hiện cuộc sống của cháu Ng đã được ổn định, bà Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng nên chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Lê Hiếu Ng, sinh ngày 28/4/2020 (nam).

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị Đ phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Lê Hiếu Ng, sinh ngày 28/4/2020 (nam).

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị Đ phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị Đ có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009067 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Thới;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tạo